

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Ngoan
- Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị D, anh T vắng mặt tại Tòa có đơn xin vắng.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau, mục

đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị sống ly thân hơn 3 tháng nay không còn quan tâm đến nhau, ai cũng có cuộc sống riêng, tình cảm không còn. Chị D xin ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Quốc D1, sinh ngày 03-02-1996; Lê Quốc Bảo, sinh ngày 21-6-2000 và Lê Nhật Hoàng H, sinh ngày 14-6-2011. Cháu Quốc D1 và cháu Quốc B đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Hoàng H chị D xin nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23-5-2023:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do không đồng chung quan điểm, chị D tự ý bỏ nhà đi hơn tháng nay không về nhà. Trước đây năm 2020 chị D cũng đã làm đơn ra tòa xin ly hôn nhưng vợ chồng đã hàn gắn, chị D đã rút đơn kiện. Nay chị D lại làm đơn xin ly hôn, anh vẫn còn thương vợ không đồng ý ly hôn, vợ chồng về chung sống cùng lo cho các con và gia đình.

Về con chung: Thống nhất như chị D trình bày. Nếu ly hôn thì con theo ai người đó nuôi không cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại phiên tòa:*

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội D vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D đối với anh Lê Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Quốc D1, sinh ngày 03-02-1996; Lê Quốc B, sinh ngày 21-6/2000 và Lê Nhật Hoàng H, sinh ngày 14-6-2011. Anh, chị thống nhất con theo ai thì người đó nuôi, cháu H có ý kiến theo mẹ nên giao Lê

Nhật Hoàng H, sinh ngày 14-6-2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Quốc D1 và cháu Quốc B đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị D theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị sống ly thân hơn 3 tháng nay không còn quan tâm đến nhau, ai cũng có cuộc sống riêng, tình cảm không còn. Chị D xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống chung của chị và anh T không còn niềm tin, hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được, chị D đã nộp đơn ly hôn năm 2020 và rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho gia đình nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chị không hàn gắn được, chị D vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, hiện anh, chị đã sống ly thân. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn đoàn tụ sống chung, không cùng chung quan điểm sống, không còn quan tâm đến nhau, không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng được. Anh T trình bày vẫn còn thương vợ không đồng ý ly hôn, vợ chồng cùng chăm lo cho gia đình và các con nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn của anh, chị đã lâu kéo dài không hạnh phúc. Qua biên bản xác minh của Tòa án thể hiện anh chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn xảy ra liên tục nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Quốc D1, sinh ngày 03-02-1996; Lê Quốc B, sinh ngày 21-6/2000 và Lê Nhật Hoàng H, sinh ngày 14-6-2011. Anh,

chị thống nhất con chung theo ai thì đó nuôi, qua làm việc với cháu Lê Nhật Hoàng H thì cháu đồng ý sống với mẹ nên giao con chung Lê Nhật Hoàng H, sinh ngày 14-6-2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Quốc D1 và cháu Quốc Bảo đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D đối với anh Lê Văn T. Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Quốc D1, sinh ngày 03-02-1996; Lê Quốc Bảo, sinh ngày 21-6/2000 và Lê Nhật Hoàng H, sinh ngày 14-6-2011. Giao con chung Lê Nhật Hoàng H, sinh ngày 14-6-2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (có sự đồng ý của cháu H). Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Quốc D1 và cháu Quốc B đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Anh T, chị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018522

ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chỉ D đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cái Thị Minh Tâm